TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỔ YÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 42/2023/QĐST-HNGĐ	*Phổ Yên, ngày 25 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v: Xác định cha cho con

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên họp: Bà Hà Thị Thu Thủy.

Thư ký phiên họp: Ông Cao Văn Chiến-Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tham gia phiên họp: Ông Đào Việt Yên-Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 32/2023/TLST-VHNGĐ ngày 11 tháng 07 năm 2023 về yêu cầu *"Xác định cha cho con"* theo Quyết định mở phiên họp số: 32/2023/QĐST - VHNGĐ ngày 11 tháng 08 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Lê Như V, sinh năm 1979;

Hộ khẩu thường trú: K1, tổ dân phố HXH, thị trấn VT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi làm việc: Tổ dân phố ĐĐ, phường TP, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nghiêm Thị T, sinh năm 1987;

Hộ khẩu thường trú: K1, tổ dân phố HXH, thị trấn VT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc.

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố ĐĐ, phường TP, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Hà Văn S, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Tổ dân phố ĐX, phường TP, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

Người tham gia tố tụng khác: Không.

(Có mặt anh V, chị T; vắng mặt anh S, anh S từ chối tham gia tố tụng).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu, bản tự khai và tại phiên họp, anh Lê Như V trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2002, có đăng ký

kết hôn tại Uỷ ban nhân xã TQ. Sau thời gian chung sống do mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 31/7/2015 anh và chị T đã được Toà án nhân dân huyện V T xử cho ly hôn và giải quyết về con chung giao cháu Lê Thị Như Q, sinh ngày 20/3/2003 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn đến năm 2016 thì anh có chung sống với chị Nghiêm Thị T như vợ chồng ở tại TP-PY-Thái Nguyên. Lúc đó chị Nghiêm Thị T và chồng là anh Hà Văn S đã sống ly thân nhau nhưng chưa ly hôn. Trong quá trình chung sống với chị Nghiêm Thị T, chị T đã mang thai cho đến ngày 17/8/2017 chị Nghiêm Thị T sinh con và dự kiến đặt tên con là Lê Quỳnh A. Khi chị T sinh con anh đều biết nhưng do lúc đó chị T và anh S chưa ly hôn nên anh không thể nhận con được. Sau đó đến ngày 30/11/2017 thì chị Nghiêm Thị T và anh Hà Văn S đã ly hôn và được Toà án nhân dân thị xã (nay là thành phố) PY ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn. Chị Nghiêm Thị T và anh Hà Văn S xác định trong quá trình chung sống anh chị có hai con chung là Hà Trung D và Hà Lan A và đã giao hai con chung cho anh S được trực tiếp nuôi dưỡng. Khi đó chị T đã sinh cháu Lê Quỳnh An nhưng chị T không nói cho anh S biết vì chị T xác định cháu A không phải là con chung của chị T và anh S, anh S cũng không biết việc này.

Đến nay cháu Lê Quỳnh A chuẩn bị vào học lớp 01. Anh và chị Nguyễn Thị T cũng như chị Nghiêm Thị T và anh Hà Văn S đều đã ly hôn, anh cũng muốn nhận con và đi làm thủ tục khai sinh cho con nhưng không được. Vì vậy ngày 26/7/2023 anh và chị Nghiêm Thị T đã mang cháu Lê Quỳnh A đi giám định AND tại Công ty TNHH Di truyền IDNA.Tại Bảng kết quả xét nghiệm huyết thống ngày 27/6/2023 của Công ty TNHH Di truyền IDNA đã kết luận: Lê Như Việt có quan hệ huyết thống Cha-Con với Lê Quỳnh A (độ tin cậy là 99,99%). Do vậy, anh đề nghị Tòa án xác định anh là bố đẻ của cháu Lê Quỳnh A để anh và chị T làm thủ tục khai sinh cho con.

Tại bản tự khai và tại phiên họp người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nghiêm Thị T trình bày: Năm 2006 chị kết hôn với anh Hà Văn S, quá trình chung sống anh chị có hai con chung là: Hà Trung D, sinh ngày 06/12/2007 và Hà Lan A, sinh ngày 08/01/2011. Đến năm 2016 chị và anh S có mâu thuẫn nên đã sống ly thân. Trong thời gian ly thân chị có quen biết và nảy sinh tình cảm với anh Lê Như Vt và đã có con thai với anh V. Đến ngày 17/8/2017 chị đã sinh con và dự kiến đặt tên con là Lê Quỳnh A. Đến ngày 31/11/2017 chị và anh S đã được Toà án giải quyết và ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa hai anh chị đồng thời anh chị cũng xác định trong quá trình chung sống anh chị có hai con chung là Hà Trung Dũng, sinh ngày 06/12/2007 và Hà Lan Anh, sinh ngày 08/01/2011, anh chị thoả thuận giao cả hai con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Khi chị sinh cháu Lê Quỳnh A chị không nói gì với anh S cũng như quá trình làm việc tại Toà án chị cũng không khai gì về cháu A vì chị xác định cháu A không phải là con chung của chị và anh S. Sau khi sinh con chị cũng chưa đi làm thủ tục khai sinh cho con. Nay cháu A chuẩn bị đi học lớp một chị và anh V mang con đi để khai sinh nhưng không được, phía anh V cũng muốn nhận cháu A là con. Vì thế mà hai anh chị cũng đã cùng nhau đưa cháu A đi giám định AND tại Công ty TNHH Di truyền IDNA.Tại Bảng kết quả xét nghiệm huyết thống ngày 27/6/2023 của Công ty TNHH Di truyền IDNA đã kết

luận: Lê Như V có quan hệ huyết thống Cha-Con với Lê Quỳnh A (độ tin cậy là 99,99%). Nay anh V đề nghị Tòa án xác định anh là cha đẻ của cháu A, chị cũng đồng ý và đề nghị Tòa án xác nhận cha con theo đề nghị của anh V.

Tại biên xác minh ngày 17/7/2023 anh Hà Văn S trình bày: Anh và chị Nghiêm Thị T tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã (nay là phường) Tiên Phong. Sáu đó do mâu thuẫn nên đến năm 2015 thì chị T bỏ đi, đến năm 2017 thì anh chị Ly hôn với nhau. Trong quá trình chung sống anh chị có hai con chung là Hà Trung D, sinh 2007 và Hà Lan A, sinh năm 2011. Trong thời gian chị T bỏ đi thì chị T đã có thai với người đàn ông khác. Tuy nhiên khi đó anh chị chưa ly hôn. Nay anh xác định cháu Lê Quỳnh A không phải là con đẻ của anh và chị T và anh cũng không liên quan gì đến cháu A. Anh từ chối tham gia các buổi làm việc tại Toà án và tại phiên họp.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng giải quyết việc dân sự,Thư ký phiên họp và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự. đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 27, 35,39,68,363,365,366,388 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết việc dân sự: Đề nghị áp dụng khoản 10 Điều 29, Điều 361,369 BLTTDS; Điều 89,91,101,102 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 146 BLTTDS, khoản 1 Điều 4, Điều 9 Nghị quyết 326 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận đơn yêu cầu của anh Lê Như V, xác nhận cháu Lê Quỳnh A là con đẻ của anh Lê Như Vt. Anh V phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình về *"Yêu cầu xác định cha cho con"* của người yêu cầu anh Lê Như V. Anh V có hộ khẩu tại K1, tổ dân phố HXH, thị trấn VT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc. Tuy nhiên từ tháng 02 năm 2023 đến nay anh đang Hợp đồng lao động làm nghề Mộc tại gia đình anh Nghiêm Văn H, chỗ ở tại Tổ dân phố ĐĐ, phường TP, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 29, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

[2]. Về nội dung: Anh Lê Như V yêu cầu Tòa án xác định cháu Lê Quỳnh A, sinh ngày 17/8/2017 với lý do: Trong khoảng thời gian từ năm 2016 anh V có quan hệ tình tình dục với chị Nghiêm Thị T, chị T có thai và sinh con. Tại thời điểm đó, chị Nghiêm Thị T và anh Hà Văn S vẫn là vợ chồng hợp pháp. Sau khi sinh con, chị T chưa làm được thủ tục khai sinh vì khi đó chị T và anh S vẫn chưa ly hôn, sau khi chị T sinh con thì đến tháng 11 Năm 2017 chị T và anh S đã

ly hôn. Đến nay anh V muốn nhận con và để làm thủ tục khai sinh cho con vì con chuẩn bị đi học lợp một. Trong quá trình giải quyết vụ việc và tại phiên họp chị Nghiêm Thị T và anh Lê Như V đều xác định cháu Lê Quỳnh A là con đẻ của anh Lê Như V.

Để đảm bảo về mặt pháp lý, đúng với thực tế và để làm thủ tục khai sinh cho cháu A, anh Lê Như V đề nghị Tòa án xác nhận anh V là bố đẻ của cháu Lê Quỳnh A.

Chị Nghiêm Thị T nhất trí với yêu cầu của anh V.

Tại Kết quả xác định ADN ngày 27/6/2023 của Công ty TNHH Di truyền IDNA đã kết luận: Lê Như Vt có quan hệ huyết thống Cha-Con với Lê Quỳnh A (độ tin cậy là 99,99%).

Như vậy, qua kết quả phân tích ADN, lời trình bày của Anh Lê Như V, sự thừa nhận của chị Nghiêm Thị T, có đủ cơ sở để khẳng định: cháu Lê Quỳnh A là con đẻ của Anh Lê Như V và chị Nghiêm Thị T. Do vậy cần chấp nhận *"Yêu cầu xác định cha cho con"* của anh Lê Như V, công nhận cháu Lê Quỳnh A, sinh ngày 17/8/2017 là con đẻ của anh Lê Như Vt và chị Nghiêm Thị T, làm cơ sở để anh V, chị T tiến hành làm giấy khai sinh của cháu A cho đúng với thực tế và quy định của pháp luật.

[3]. Về lệ phí*:* Anh Lê Như V phải chịu lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình theo quy của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Quyết định theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 10 Điều 29, Điều 35, 39, khoản 2 Điều 146 ,361, 370, 371, 372 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 89, 91, khoản 2 Điều 101, Điều 102 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 4, Điều 9 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu "Xác định cha cho con" của anh Lê Như V.

1. Xác định: Anh Lê Như V, sinh năm 1979, Địa chỉ: K1, tổ dân phố H X H, thị trấn VT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc là cha đẻ của cháu Lê Quỳnh A, sinh ngày 17/8/2017.

Anh Lê Như Vt và chị Nghiêm Thị T có trách nhiệm và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc khai sinh cho cháu Lê Quỳnh A.

2. Về lệ phí: Anh Lê Như V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên theo Biên lai thu tiền số 0001541 ngày 11/7/2023.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có mặt báo cho biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân thành phố PY có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc kể từ ngày Quyết định được niêm Yết. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên có quyền kháng nghị Quyết định trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố PY;
- Chi cục THADS thành phố PY;
- UBND Thị trấn VT;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(Đã ký tên)

Hà Thị Thu Thủy